TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 5 - 2023
"*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Gẫm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kiên Ngọc Trương

2. Ông Cao Minh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký - Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 256/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc *"ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2023/DS-ST ngày 04/5/2023), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp VY, xã LĐ, thành phốTV, tỉnh TV.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp VY, xã LĐ, thành phố TV, tỉnh TV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm H trình bày: Vào năm 2004 chị và anh Nguyễn Thanh T có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 4 (số 86 Quyển số 01 ngày 19/11/2004), thành phố TV, tỉnh TV. Từ khi kết hôn đến năm 2020 vợ chồng sống tương đối hạnh phúc, cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống. Chị H cố gắng chịu đựng sống chung

nhằm nuôi dạy con nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nữa nên chị H đã ly thân với anh T cho đến nay. Nay, chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau như trước, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

+ *Về con chung*: Chị Trần Thị Cẩm H và anh Nguyễn Thanh T có với nhau 02 con chung là Nguyễn Thế K, sinh ngày 13/01/2005; Nguyễn Thế Quang Đ, sinh ngày 03/9/2012 hiện do chị H nuôi dưỡng. Nay, chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách đương sự tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, hòa giải, công khai chứng cứ, đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa xét xử sơ thẩm. Đương sự có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn anh Nguyễn Thanh T vắng mặt không có lý do.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm H. Cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T; giao 02 người con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật Tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật của vụ án và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Cẩm H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T và yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án là "*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con*" theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Thanh T là bị đơn có nơi cư trú tại ấp VY, xã LĐ, thành phố TV, tỉnh TV nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh: Trong vụ án này, nguyên đơn có yêu cầu nuôi con chung chưa thành niên và

Tòa án có xác minh thu thập chứng cứ về nơi cư trú của bị đơn, nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:*

+ Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Bị đơn: Tòa án đã tiến hành tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, số 169 Phạm Ngũ Lão, khóm 4, phường 1, thành phố Trà Vinh cho bị đơn anh Nguyễn Thanh T nhưng anh T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân*: Chị Trần Thị Cẩm H và anh Nguyễn Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố TV, tỉnh TV là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống chị Trần Thị Cẩm H và anh Nguyễn Thanh T sống chung hạnh phúc được một thời gian. Đến 2020 thì chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người không tìm được tiếng nói chung nên chị H và T sông ly thân năm 2020 cho đến nay. Trong suốt thời gian ly thân hai người bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương như trước, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nữa nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ.

- *Về con chung:* Chị H và anh T có 02 người con chung gồm: Nguyễn Thế K, sinh ngày 13/01/2005; Nguyễn Thế Quang Đ, sinh ngày 03/9/2012 hiện do chị H nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện nuôi dưỡng thì chị H có việc làm và có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi dạy con chung. Từ đó, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thế Quang Đ, sinh ngày 03/9/2012 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ được sống chung với mẹ. Đối với cháu Nguyễn Thế K, sinh ngày 13/01/2005 đã trưởng thành, chị H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử đã giải thích quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cho chị H biết là *khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con* nhưng chị H vẫn không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Theo chị H khai không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về phía bị đơn:* Tòa án đã cấp tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn anh Nguyễn Thanh T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, điều này cho thấy bị đơn tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- *Xét ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh:* Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

- *Về án phí:* Chị H phải có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 21; Điều 227, khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm H.

- *Về hôn nhân:* Cho chị Trần Thị Cẩm H được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

- *Về con chung và cấp dưỡng:* Giao cháu Nguyễn Thế Quang Đ, sinh ngày 03/9/2012 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị Trần Thị Cẩm H khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về nợ chung:* Chị Trần Thị Cẩm H khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị Cẩm H phải có nghĩa vụ chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí

đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0011867 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (chuyển thành án phí).

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Gẫm

** Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- UBND phường 4;
- Các đương sự;
- Lưu.